

# MOVERS PRACTICE 20

## I. Sử dụng SO SÁNH HƠN

1. My book is \_\_\_\_\_(new) than your book.
2. My new teacher is \_\_\_\_\_(friendly) than your old teacher.
3. Peter is \_\_\_\_\_(good) than Mary.
4. The red house is \_\_\_\_\_(big) than the blue house.
5. My dog is \_\_\_\_\_(small) than your dog.
6. I am \_\_\_\_\_(bad) than my sister.
7. Tom is \_\_\_\_\_(noisy) than Kevin.
8. This T-shirt is \_\_\_\_\_(nice) than that T-shirt.
9. Today's weather is \_\_\_\_\_(hot) than yesterday's weather.
10. He is \_\_\_\_\_(young) than me.

## II. Sử dụng SO SÁNH NHẤT

1. My mom is \_\_\_\_\_(good) woman in my family.

2. Jack is \_\_\_\_\_ ( bad) student in my class.
3. The elephants are \_\_\_\_\_(cute) animals in the zoo.
4. My shoes are \_\_\_\_\_(cheap) in the shoes store.
5. My grandpa is \_\_\_\_\_(old) man in my family.
6. My house is \_\_\_\_\_(big) house in my town.
7. The cheetahs are \_\_\_\_\_(fast) animals in the world.
8. The Nile River is \_\_\_\_\_(long) river in the world.
9. Summer is \_\_\_\_\_(hot) season in the year.
10. My brother is \_\_\_\_\_(young) boy in my family.

### III. Sử dụng SO SÁNH HƠN hoặc SO SÁNH NHẤT

1. My car is \_\_\_\_\_(big) than your car.
2. The red book is \_\_\_\_\_(small) than the green book.
3. The black car is \_\_\_\_\_(fast) car.
4. You are \_\_\_\_\_( good).
5. He is \_\_\_\_\_(slow) than me.
6. This baby is \_\_\_\_\_(cute) than that baby.
7. Mr Beast is \_\_\_\_\_(rich) man in the world.
8. You are \_\_\_\_\_(noisy) boy in the class.

#### IV. Sử dụng Sở hữu từ

1. Quyển sách của tôi→\_\_\_\_\_
2. Cái đầm của chị của tôi→\_\_\_\_\_
3. Ngôi nhà của anh ấy→\_\_\_\_\_
4. Xe đạp của ba của anh ấy→\_\_\_\_\_
5. Đồ chơi của cô ấy→\_\_\_\_\_
6. Cái nón của mẹ của cô ấy→\_\_\_\_\_
7. Xe hơi của bạn→\_\_\_\_\_



8. Bông hoa của chị của bạn → \_\_\_\_\_
9. Đôi mắt của nó → \_\_\_\_\_
10. Phòng ngủ của chúng tôi → \_\_\_\_\_
11. Con chó của gia đình của chúng tôi  
→ \_\_\_\_\_
12. Con diều của họ → \_\_\_\_\_
13. Mắt kính của Hannah → \_\_\_\_\_
14. Giáo viên của em trai của họ  
→ \_\_\_\_\_
15. Máy tính của Anne → \_\_\_\_\_

## V. Sử dụng WHICH= THAT/ WHO



1. The tree \_\_\_\_\_ is next to the river is the biggest.
2. The cat \_\_\_\_\_ is orange is on the roof of the school.
3. The girl \_\_\_\_\_ is looking at the insect is Mary.
4. The girl \_\_\_\_\_ has a flower on her T- shirt is Anne.
5. The sheep \_\_\_\_\_ are eating grass are my sheep.
6. The monkey \_\_\_\_\_ is wearing a blue T-shirt is very smiling.
7. The children \_\_\_\_\_ are talking are my classmates.
8. The girl \_\_\_\_\_ is walking to school is my younger sister.
9. The boy and the girl \_\_\_\_\_ are sitting on the grass next to the river are my best friends.

-----**THE END**-----